

Bản án số: 113/2022/KDTM -PT

Ngày: 12/7/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/07/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2022/TLPT-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 28 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T.L.P

Trụ sở: số 424 đường N, phường n, quận n, thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ giao dịch: 245/28 đường Phú Định, phường 16, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà N.T.T.P - Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông K.V.H.T., ông P.T.Đ theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-TLP ngày 14/3/2022. Ông P.T.Đ có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH W.C.V

Địa chỉ: Tầng 4, số nhà A1 Khu đô thị C, phường D, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật: Ông K.W.S – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà V.T.T.L, bà V.T.M.H. – theo Giấy ủy quyền ngày 4/7/2021. Bà V.T.M.H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2018, Công ty TNHH T.L.P (viết tắt là Công ty T.L.P) nhận giao thầu từ Công ty TNHH W.C.V (viết tắt là Công ty W.C.V) gói thầu “mua bán vật tư xây dựng” của dự án công trình Nhà máy Chế biến Thực phẩm C tại Lô E Khu công nghiệp H, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo sự thỏa thuận giữa hai bên (không có hợp đồng chỉ có thỏa thuận miệng với quản lý công trình của Công ty W.C.V là ông R.J.H và giám đốc Công ty W.C.V), Công ty T.L.P đã tiến hành bàn giao các vật tư trong phạm vi gói thầu từ tháng 5/2018 và đã hoàn thành gói thầu vào tháng 10/2018. Việc thỏa thuận này đã được thể hiện bằng các lần trao đổi trực tiếp (chỉ có các hình ảnh tại công trường) các lần trao đổi qua tin nhắn của điện thoại.

Trong quá trình thực hiện công việc, Công ty T.L.P đã gửi các Biên bản giao nhận làm cơ sở căn cứ đề nghị thanh toán cho từng đợt cho Công ty W.C.V. Tổng giá trị bị đơn phải thanh toán là 3.541.261.969 đồng,

Cho tới thời điểm hiện nay, Công ty T.L.P đã hoàn thành gói thầu vào tháng 10/2018 và Dự án cũng đã đi vào hoạt động. Công ty W.C.V đã thực hiện thanh toán chuyển khoản cho Công ty T.L.P qua một đợt thanh toán với tổng số tiền là 1.830.357.038 đồng. Số tiền còn phải thanh toán là 1.710.703.562 đồng. Theo thỏa thuận giữa các bên thì Công ty W.C.V phải thanh toán cho Công ty T.L.P khoản nợ kể trên từ tháng 11/2018. Công ty T.L.P đã liên lạc và yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng vẫn chưa nhận được phản hồi của Công ty W.C.V (việc trao đổi cũng qua tin nhắn điện thoại). Việc chậm trễ thanh toán của Công ty W.C.V làm ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty T.L.P.

Ngày 26/12/2019 Nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 1.710.703.562 đồng (Đã bao gồm VAT) và số tiền lãi tạm tính đến ngày 04/02/2020 là 226.429.088 đồng cho Công ty T.L.P.

2. Bị đơn do người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Bị đơn thừa nhận có giao gói thầu “mua bán vật tư” cho nguyên đơn khi thỏa thuận giao việc hai bên chỉ có thỏa thuận miệng với nhau. Công ty W.C.V không ký hợp đồng kinh tế với Công ty T.L.P.

Công ty W.C.V xác nhận có mua bán hàng hóa và thanh toán ngày 27/08/2019 với hóa đơn số 0000265; Ký hiệu: LP/18P; Ngày phát hành: 10/7/2018; Tổng số tiền là : 1.830.558.400 đồng (Một tỷ, tám trăm ba mươi triệu, năm trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm đồng.)

Đối với hoá đơn 0000351; Ký hiệu: LP/18P; Ngày phát hành: 09/8/2018 với số tiền: 1.710.502.200 (Một tỷ, bảy trăm mười triệu, năm trăm linh hai nghìn, hai trăm đồng) mà nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu thanh toán, Công ty W.C.V không nhận được hóa đơn này.

Theo hồ sơ do nguyên đơn cung cấp các biên bản giao hàng của các ngày 23/8/2018; ngày: 12/8/2018; ngày: 09/8/2018; ngày: 02/8/2018; ngày: 31/7/2018 (02tờ); ngày: 29/7/2018; ngày: 24/7/2018 (02 tờ); ngày: 23/7/2018; ngày: 22/7/2018; ngày: 21/7/2018; ngày: 20/7/2018; ngày: 13/7/2018 (03 tờ); ngày: 12/7/2018, chữ ký tại các biên bản giao nhận là ông B.S.P nhưng Công ty không có người lao động nào tên B.S.P. Ông R.J.H ký vào biên bản báo giá không phải người của công ty.

Từ các nội dung nêu trên, Công ty W.C.V không phát sinh công nợ đối với Công ty T.L.P. Do đó, Công ty W.C.V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.L.P.

Tại bản án KDTM sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 28/6/2021 Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.L.P khởi kiện Công ty TNHH W.C.V.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 12/7/2021 Công ty TNHH T.L.P có đơn kháng cáo bản án. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn và nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ.

Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định các tài liệu do nguyên đơn cung cấp đối với lô hàng giao từ ngày 12/7 đến 23/8/2018 với số tiền 1.710.502.200 đồng. Bảng tổng hợp xuất hàng, bảng công nợ đều không có chữ ký của hai bên. Các biên bản giao nhận hàng do ông B.S.P ký nhưng bị đơn không thừa nhận là người của Công ty. Các tài liệu này không đủ cơ sở pháp lý.

Phiên toà ngày 15/4/2022 nguyên đơn đề nghị ngừng phiên toà để thu tập thêm chứng cứ nhưng đến nay nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó kháng cáo của Công ty T.L.P không có cơ sở chấp nhận

Đề nghị HĐXX: áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

- Giữ nguyên bản án KDTM sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 28/06/2021 của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Người kháng cáo phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tháng 7/2018 Công ty T.L.P và Công ty W.C.V có thoả thuận mua bán vật tư xây dựng đề thi công dự án công trình Nhà máy Chế biến Thực phẩm C tại Lô E Khu công nghiệp H, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên xác nhận việc thoả thuận với nhau bằng miệng (không có hợp đồng). Do bị đơn không thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu nên nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn tại Toà án nhân dân quận Cầu Giấy là nơi bị đơn có trụ sở. Toà án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 30, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T.L.P đã có bảng báo giá gửi Công ty W.C.V ngày 25/6/2018 được ông Ông R.J.H ký. Trên cơ sở báo giá, từ ngày 1/7/2018 đến 10/7/2018 nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn (đợt 1), đại diện bên nhận hàng là ông Nguyễn Văn T. Công ty W.C.V đã thanh toán đối với hoá đơn của lô hàng này theo hoá đơn GTGT số 0000265 ngày 10/7/2018. Số tiền là: 1.830.558.400 đồng.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị thanh toán tiền mua hàng (đợt 2) của hoá đơn số 0000351 ngày 09/8/2018 với giá trị 1.710.502.200 đồng.

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện từ ngày 12/7/2018 đến ngày 23/8/2018 nguyên đơn tiếp tục giao hàng cho bị đơn theo các biên bản giao nhận: ngày 12/7/2018, 13/7/2018 (03 tờ); 20/7/2018; 21/7/2018; 22/7/2018; 23/7/2018; 24/7/2018 (02 tờ); 29/7/2018; 31/7/2018 (02 tờ); 02/8/2018; 09/8/2018; 12/8/2018; 23/8/2018. Tất cả các biên bản này người ký nhận hàng là ông B.S.P. Theo nguyên đơn trình bày mỗi lần đặt hàng ông R.J.H là chỉ huy trưởng công trường điện thoại cho ông Ngô A.T - Phó giám đốc Công ty T.L.P. Khi đến giao hàng theo hướng dẫn của ông R.J.H, Công ty T.L.P đã giao cho ông B.S.P là quản lý vật tư công trường.

Tuy nhiên Công ty W.C.V không thừa nhận lô hàng này và từ chối thanh toán bởi không xác nhận ông R.J.H và B.S.P là người làm việc tại Công ty W.C.V. Ông R.J.H được ghi tại bảng thanh toán lương do Ngân hàng S cung cấp và ông R.J.H do nguyên đơn trình bày tại văn bản ý kiến ngày 4/2/2020 không phải là một người. HĐXX thấy rằng: Theo chứng từ chuyển khoản lương của Công ty W.C.V từ tháng 5/2018 đến tháng 9/2018 do Ngân hàng S Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng cung cấp thể hiện: ông R.J.H được công ty chuyển lương hàng tháng. Ông B.S.P không có trong danh sách chuyển lương. Điều đó cho thấy ông R.J.H là cán bộ của Công ty W.C.V nhưng chỉ là người nhận báo giá, không phải người nhận hàng. Việc

nguyên đơn ghi ông R.J.H tại văn bản ý kiến ngày 4/2/2020 là lỗi chính tả bởi Công ty W.C.V không có người nào khác tên R.J.H trong danh sách chuyển lương.

Do hợp đồng được thoả thuận bằng miệng nên mỗi lần đặt hàng, nguyên đơn không có tài liệu. Căn cứ các biên bản giao nhận hàng từ ngày 12/7 đến 23/8/2018 thể hiện người nhận hàng là B.S.P. Tuy nhiên ông B.S.P có là người của Công ty W.C.V hay không thì nguyên đơn không chứng minh được. Theo bị đơn trình bày Công trình do Công ty W.C.V thi công lúc đó có rất nhiều nhà thầu và Công ty không có cán bộ nào tên B.S.P.

Như vậy việc nguyên đơn giao hàng cho ông B.S.P không xác định được là người của Công ty W.C.V. Các bảng tổng hợp xuất hàng, bảng công nợ đều không có chữ ký của hai bên. Hoá đơn GTGT số 0000351 ngày 9/8/2018 nguyên đơn xuất cho bị đơn nhưng không được bị đơn công nhận đã đặt mua số hàng này. Hiện nay nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ của ông R.J.H và B.S.P để làm rõ nội dung tranh chấp.

Theo quy định tại khoản 1 điều 142 Bộ luật dân sự 2015 giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện, xác lập thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện.

Do không chứng minh được việc ông B.S.P là người được đại diện Công ty W.C.V nhận hàng của Công ty T.L.P. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác. Vì vậy kháng cáo của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Công ty T.L.P phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 142 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 40, 148, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 25, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH T.L.P.

Giữ nguyên quyết định của bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2021/KDTM-ST ngày 28/06/2021 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.L.P.

2. Về án phí: Công ty TNHH T.L.P phải chịu 70.113.979 đồng án phí KDTM sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí KDTM phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.299.000 đồng theo biên lai số 0003165 ngày 27/12/2019 và 2.000.000 đồng theo biên lai số 0017831 ngày 5/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Công ty TNHH T.L.P còn phải nộp 37.814.979 đồng.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội
- TAND quận Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuý Linh